



BẢN TIN THAN NGÀY

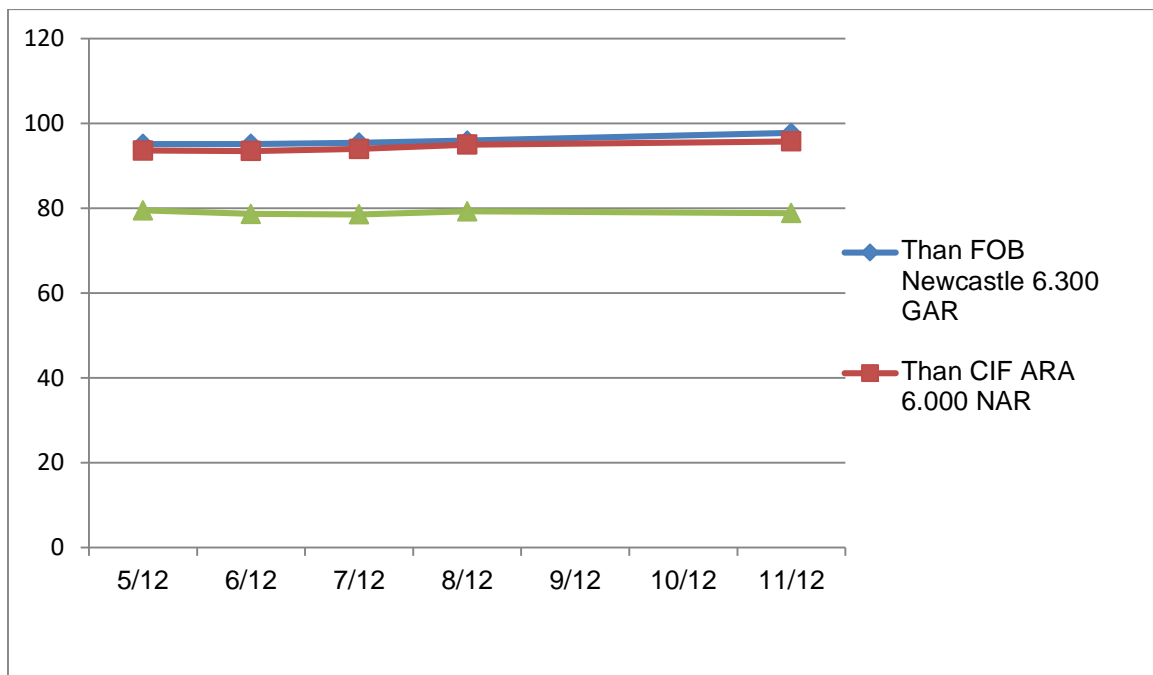
Ngày 12/12/2017

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	97,75	+1,80	101,00	+1,60
CIF ARA 6.000 NAR	95,75	+0,75	94,90	+1,60
FOB Richards Bay 5.500 NAR	78,85	-0,40	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	82,75	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	65,50	+0,00

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	53,70	+0,50	414,11	+3,87
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	73,40	+0,50	566,02	+3,88
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	85,80	+0,00	661,65	+0,04

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2017



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 11/12/2017)

DIỂM TIN

Giá than Indonesia ổn định nhờ nhu cầu từ Trung Quốc và nguồn cung khan hiếm

Trong ngày thứ 2 đầu tuần, giá than nhiệt Indonesia giữ ổn định trong tình hình nguồn cầu ổn định từ phía Trung Quốc và nguồn cung khan hiếm. Đặc biệt giá than nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR đã tăng khoảng 1 USD từ tuần trước. Các chuyến hàng sẵn sàng giao trong nửa cuối tháng 12 khan hiếm và chủ yếu giao trong nửa đầu tháng 1 năm sau. Các khách hàng mong muốn giao hàng trong tháng 12, tuy nhiên các nhà khai thác lại không có hàng để cung cấp, mà chỉ có thể đáp ứng các đơn hàng cho tháng 1 năm sau. Giá thầu cho than nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR, 0,3% lưu huỳnh với mức giá 46 USD/tấn và than nhiệt trị 4.700 kcal/kg NAR ở mức 65 USD/tấn, đều với điều kiện FOB và cùng giao hàng trong tháng 1 năm sau trên tàu Supramax.

Trong khi đó một số công ty khai thác muốn giữ nguồn hàng lại đợi giá cả tăng lên trong vài ngày tới, do thị trường hiện tại đang chậm lại trong thời điểm cuối năm. Hiện nay hầu hết các HSMT mua than đều đến từ các công ty thương mại Trung Quốc chứ không phải của các NMNĐ, điều đó khiến cho nhu cầu trên thị trường trở nên không rõ ràng. Tiêu biểu là 1 HSMT giao hàng trong đầu tháng 1 vận chuyển bằng tàu Supramax, than nhiệt trị 3.800 kcal/kg NAR ở mức 45,50 USD/tấn, theo điều kiện FOB. Trong khi đó mưa lớn ở Indonesia là nguyên nhân khiến nguồn cung trở nên khan hiếm đẩy giá than tăng lên. Giá than trên thị trường có thể tiếp tục giữ ổn định cho đến khi các công ty Trung Quốc có nhu cầu mua than về kho dự trữ trước những ngày nghỉ Tết Nguyên Đán, đến lúc đó giá có thể sẽ biến động.

Lượng than nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 11 tăng 81% so với cùng kỳ năm trước

Trong tháng 11, Việt Nam đã nhập khẩu 1,45 triệu tấn than, tăng vọt 81,05 % so với cùng kỳ năm ngoái, theo dữ liệu từ Cơ quan Hải quan Việt Nam công bố hôm thứ 6 tuần trước. Indonesia là nước cung cấp than lớn nhất cho Việt Nam trong tháng với 820.755 tấn, tăng 135,86 % so với cùng kỳ năm ngoái, tiếp đến là Australia và Nga. Trong 11 tháng qua, Việt Nam đã nhập khẩu 12,96 triệu tấn than, tăng 4,89 % so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu từ Indonesia, Australia và Nga. Trong khi đó sản lượng than của cả nước ước tính giảm nhẹ 1% so với năm ngoái xuống còn 34,84 triệu tấn trong 11 tháng qua, theo dữ liệu sơ bộ từ Cục Thống Kê công bố hôm 29/11, số liệu này dự kiến sẽ được điều chỉnh và chính thức công bố vào ngày 29/12.

Theo đại diện của Tập đoàn than khoáng sản Việt Nam – Vinacomin, nhu cầu than cho các NMNĐ của Việt Nam được dự báo sẽ tăng khoảng 35 triệu tấn trong năm nay, 2020 lên mức 60 triệu tấn, 2025 đạt 100 triệu tấn và đạt 140 triệu tấn/năm vào năm 2030. Đại diện của Vinacomin cho biết Việt Nam không thể nhanh chóng nâng cao sản lượng khai thác do khó khăn trong hoạt động sản xuất, vì vậy việc nhập khẩu là không thể tránh khỏi. Trong khi đó, xuất khẩu than của Việt Nam đã tăng lên mức cao nhất trong 7 tháng qua và đạt mức 338.002 tấn trong tháng 11, tăng 104,72% so với năm ngoái, chủ yếu xuất sang Nhật Bản, Hàn Quốc và Indonesia. Trong 11 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu 1,98 triệu tấn than, tăng gần 106% so với cùng kỳ năm 2016, chủ yếu xuất sang Nhật Bản, Hàn Quốc và Malaysia. Trong giai đoạn 2017 - 2020, Vinacomin đặt mục tiêu xuất khẩu khoảng 2 triệu tấn than chất lượng cao. Hầu hết than của Việt Nam được sử dụng trong nước phục vụ các ngành như nhiệt điện, xi măng và các ngành công nghiệp khác.

Lượng than dự trữ tại các cảng biển Trung Quốc tăng 0,5 % so với tuần trước

Theo số liệu được cung cấp bởi cảng vụ Qinhuangdao, lượng than dự trữ tại các cảng biển của Trung Quốc bao gồm Qinhuangdao, Caofeidian, và Jingtang đạt tổng cộng 12,335 triệu tấn trong tuần kết thúc vào thứ 2 tuần này, tăng 0,5 % so với tuần trước đó. Nhu cầu từ các NMNĐ vẫn ở mức cao do thời tiết đã vào mùa đông, lượng than và điện tiêu thụ đã lên tới đỉnh điểm, khiến lượng than dự trữ tại các cảng biển này được luân chuyển liên tục. Lượng than dự trữ tại cảng Qinhuangdao ở mức 6,66 triệu tấn theo thống kê hôm thứ 2 vừa qua, tăng từ mức 6,48 triệu tấn 1 tuần trước đó. Tương tự mức dự trữ tại cảng Caofeidian đạt 2,195 triệu tấn hôm thứ 2, giảm từ mức 2,36 triệu tấn 1 tuần trước đó. Jingtang Port đạt 3,5 triệu tấn than dự trữ, tăng từ mức 3,45 triệu tấn trong tuần trước đó. Lượng than dự trữ tại cảng Huanghua của công ty Shenhua Group ở phía Bắc tỉnh Hebei của Trung Quốc, đạt mức 2,08 triệu tấn hôm theo thống kê hôm thứ 2, tăng từ mức 2,04 triệu tấn hồi 1 tuần trước, theo dữ liệu từ cảng vụ Huanghua.

(Nguồn: Platts)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Đơn vị: USD/tấn Thay đổi
Capesize (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	11,90	+0,35
	Queensland	Nhật Bản	13,45	+0,35
	New South Wales	Hàn Quốc	13,80	+0,35
Panamax (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	12,25	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,10	+0,10
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	12,60	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	7,70	+0,10
	Úc	Trung Quốc	12,20	+0,10
	Úc	Ấn Độ	13,60	+0,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 11/12/2017)